

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST
Ngày: 25/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Sự và bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Duy S**, sinh năm 1990 tại huyện LN, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Thôn ĐY, xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Duy B, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962; Vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Ngày 24/02/2020 Chủ tịch UBND xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tiền án: Ngày 11/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 21/01/2020;

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã DT, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo S 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo S 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo S 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2020, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1990 tại huyện LN, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Thôn HX, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nh, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; Vợ là Trương Thị Thu T1, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 03/4/2015 bị Công an huyện LN, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua số lô, số đề;

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo T 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã DT, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo T 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo T 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp với hình phạt 27 tháng tù tại bản án số 27/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Hà Nam. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/3/2020;

Bị cáo tạm giữ từ ngày 26/3/2020. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. Trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Đào Văn Cơ, sinh năm 1979. Có mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn AC1, xã HH, Thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981. Vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Thôn VT, xã TH, Thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trương Công C, sinh năm 1958. Có mặt tại phiên tòa.
Trú tại: Thôn Q, TL, xã BL, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

- Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1997. Vắng mặt tại phiên tòa.
Trú tại: Thôn TT, xã Trần HĐ, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi thứ nhất: Do không có tiền tiêu sai nên bị cáo S và bị cáo T cùng thống nhất với nhau sẽ đi trộm cắp tài sản là xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sai cá nhân. Khoảng 00 giờ ngày 28/02/2020, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110 không rõ biển số chở T đi từ xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam qua cầu Hưng Hà tỉnh Thái Bình đến địa phận Thôn AC1, xã HH, Thành phố H thì phát hiện trong sân nhà anh Đào Văn D có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931 của anh Đào Văn C. Thấy cổng nhà anh D không khoá, xung quanh không có người nên T bảo S đứng ở ngoài đường cảnh giới còn T mở cổng đi vào trong sân nhà anh D và dắt chiếc xe mô tô nêu trên ra ngoài đường. Do không có chìa khoá nên S đã dùng chiếc tua vít hai cạnh chuẩn bị từ trước và mở được khoá điện của xe. S điều khiển xe mô tô không có biển số của mình về nhà, T điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được của anh C mang về nhà của T cất giấu. Quá trình điều khiển xe về nhà, T đã làm rơi mất biển số của chiếc xe mô tô. Đến khoảng 10 giờ ngày 28/02/2020 T mang chiếc xe mô tô trộm cắp được của anh C bán cho anh Nguyễn Đức T2 được số tiền 3.700.000 đồng. Khi bán xe, T không nói cho anh T2 biết đây là xe T trộm cắp mà có. T chia cho S số tiền 1.500.000 đồng và giữ lại số tiền 2.200.000 đồng. T và S đã tiêu sai hết số tiền bán xe mô tô.

Vật chứng đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, số máy HC09E-5721540, số khung 57Y621677 (xe không có biển số).

Tại bản Kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá số 18/BB-HĐĐG ngày 15/6/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Thành phố H kết luận: 01 xe xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931 đã qua sử dụng trị giá 6.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931 qua tra cứu xác định đăng ký mang tên Đặng Văn T, trú tại NL TT, thị xã H. Năm 2013 anh T bán cho anh C với giá 12.000.000 đồng.

Hành vi thứ hai: Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô biển số 89K1-4931, S và T tiếp tục thống nhất đi đến địa bàn Thành phố H để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 01/3/2020, S điều khiển xe mô tô Honda Wave 110 màu xanh ngọc không có biển số chở T sang Thành phố H đến khu vực Thôn VT, xã TH, Thành phố H thì phát hiện nhà anh Nguyễn Văn M có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 89L3-3402 để trong sân. Thấy nhà anh M không khoá cổng, không có ai trông coi, chìa khoá xe vẫn cắm trên ổ khoá nên T bảo S đứng cảnh giới còn mình trực tiếp đi vào dắt chiếc xe ra ngoài đường và điều khiển chiếc xe mang về nhà mình cất giấu. Đến ngày 22/3/2020 T mang chiếc xe trộm cắp được của anh M bán cho ông Trương Công C1 được số tiền 2.000.000 đồng. T chia cho S 1.000.000 đồng còn mình giữ lại 1.000.000 đồng để tiêu sai cá nhân hết số tiền này. Khi bán xe cho ông C1, T không nói cho ông C1 biết đây là xe T trộm cắp được mà có.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 số khung RLCS5C640AY318998, số máy 5C64-318998.

Tại bản Kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá số 17/BB - HĐĐG ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Thành phố H kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 đã qua sử dụng trị giá 4.000.000 đồng.

Xác minh chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 đăng ký lần đầu mang tên anh Bùi Thế T3, sinh năm 1987, trú tại Đội D, thôn NC, xã HN, Thành phố H. Năm 2014 anh T3 đã bán lại chiếc xe trên cho anh M. Ngày 21/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại chiếc xe nêu trên cho anh M.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110 màu xanh ngọc, S sử dụng làm phương tiện trộm cắp vào ngày 28/02/2020 và ngày 01/3/2020, S đã bán cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Trong cốp xe có để chiếc tua vít mà S đã sử dụng để phá khoá chiếc xe mô tô của anh C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa thu giữ được chiếc xe mô tô nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-TPHY ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, tỉnh Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo không thắc mắc nội dung bản Cáo trạng; khai nhận cả hai lần trộm cắp tài sản đều do bị cáo S là người khởi xướng và rủ bị cáo T và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra các bị cáo khai chiếc Honda Wave 110 màu xanh ngọc các bị cáo sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp ngày 28/02/2020 và ngày 01/3/2020 là do các bị cáo trộm cắp tại huyện HH, tỉnh Thái Bình. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp một thời gian các bị cáo đã bán cho một người không quen biết ở Hà Tây được 4.000.000 đồng và chia nhau mỗi bị cáo 2.000.000 đồng. Hành vi này các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình xét xử bằng bản án số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020.

- Bị hại anh Đào Văn C đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp để làm phương tiện đi lại. Ngoài ra không có đề nghị gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công C1 giữ nguyên quan điểm không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng ông đã bỏ ra mua xe mô tô của các bị cáo.

- Đại diện VKSND Thành phố H giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 47 và Điều 56 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Duy S và áp dụng thêm điểm I khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

+ Xử phạt bị cáo Đào Duy S từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã DT, tỉnh Hà Nam và hình phạt 30 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Hà Nam, hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo Đào Duy S phải chấp hành hình phạt chung của cả bốn bản án là 10 năm 06 tháng đến 10 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 09 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình với hình phạt 15 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã DT, tỉnh Hà Nam. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 06 năm 06 tháng đến 06 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2020.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trả lại anh Đào Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, số máy HC09E-5721540, số khung 57Y621677 (xe không có biển số); Truy thu của bị cáo Đào Duy S số tiền 2.500.000 đồng và truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 3.200.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an Thành phố H; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó là: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại là anh Đào Văn C và anh Nguyễn Văn M; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công C1 và anh Nguyễn Đức T2; bản kết luận định giá tài sản các ngày 12/6/2020 và ngày 15/6/2020, cùng vật chứng đã thu giữ được. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 28/02/2020 tại nhà anh Đào Văn D ở Thôn AC1, xã HH, Thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Đào Duy S và Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931 của anh Đào Văn C trị giá 6.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/3/2020 tại nhà anh Nguyễn Văn M ở Thôn VT, xã TH, Thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Đào Duy S và Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 của anh M trị giá 4.000.000 đồng.

Hành vi trên của Đào Duy S và Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật như bản Cáo trạng đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

[3] Xét vị trí, vai trò: Trong vụ án này cả hai bị cáo đều thống nhất với nhau đi trên đường đi thấy ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp, các bị cáo cũng không có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo S khởi xướng và rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản, đứng ngoài cảnh giới; bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô và mang đi tiêu thụ tài sản. Do vậy các bị cáo có vị trí, vai trò ngang nhau.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S và bị cáo T hai lần thực hiện hành vi trộm cắp, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo S có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo S phải chịu thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Đối với bị cáo Trần Văn T, đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng đề có tiền tiêu sài, các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Sau hành vi phạm tội trộm cắp tài sản vào ngày 28/02/2020 và ngày 01/3/2020, các bị cáo lại tiếp tục thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản, nay đã bị xét xử, điều đó cho thấy các bị cáo là người coi thường pháp luật, do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục các bị cáo sau này không tái phạm và phòng ngừa chung.

Do các bị cáo đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, hiện đang bị tạm giam, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại anh Nguyễn Văn M và anh Đào Văn C không yêu cầu đề nghị gì. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công C1 và anh Nguyễn Đức T2 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền anh T2 và ông C1 đã bỏ ra để mua xe. Do đó, về trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp Tư pháp:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Văn M vào ngày 21/7/2020 là phù hợp.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931, đăng ký mang tên Đặng Văn T, trú tại 17 NL, thị xã H. Anh C mua lại của anh T năm 2013, mặc dù không có giấy tờ mua bán nhưng anh T đã xác nhận việc mua bán giữa hai bên nên anh C là chủ sở hữu hợp pháp. Do vậy sẽ trả lại cho anh C chiếc xe mô tô này.

- Đối với số tiền 5.700.000đồng các bị cáo đã bán 02 chiếc xe mô tô trộm cắp được, đây là tiền do phạm tội mà có, ông Thanh và ông C1 là những người đã mua xe mô tô của các bị cáo nhưng lại không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên sẽ tịch thu số tiền này sung công quỹ Nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 47 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo đã tiêu sài hết nên sẽ truy thu của các bị cáo. Chia theo kỷ phần các bị cáo được hưởng thì truy thu của bị cáo S số tiền 2.500.000 đồng và truy thu của bị cáo T số tiền 3.200.000 đồng.

[9] Các vấn đề khác: Đối với hành vi T bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số 89K1-4931 cho anh Nguyễn Đức T2 và bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89L3-3402 cho ông Trương Công C1: Khi bán xe, T không nói cho anh T2, ông C biết đây là xe T trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H không xử lý hành vi của ông C, anh T2 là phù hợp.

Đối với chiếc xe Honda Wave 110 màu xanh ngọc các bị cáo sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp ngày 28/02/2020 và ngày 01/3/2020: Tại phiên tòa các bị cáo khai xe này là do các bị cáo trộm cắp tại huyện HH, tỉnh Thái Bình và đã bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình xét xử bằng bản án số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020. Tuy nhiên qua nghiên cứu bản án số 76 thấy rằng trong các vật chứng là những chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã trộm cắp thì không có chiếc xe mô tô nào là xe Honda Wave 110 màu xanh ngọc. Do vậy chưa có căn cứ xác định hành vi này của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử. Do vậy HĐXX sẽ có văn bản đề nghị Công an huyện Hưng Hà xác minh, điều tra làm rõ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56 và khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Duy S.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 và khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đào Duy S 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo Đào Duy S phải chấp hành hình

phạt chung của cả bốn bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Trả lại anh Đào Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, số máy HC09E-5721540, số khung 57Y621677 (xe không có biển số).

(Tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 44/QĐ-VKS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H).

- Truy thu của bị cáo Đào Duy S số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* và truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 3.200.000đ *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)* sung vào công quỹ Nhà nước.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người bị hại anh Đào Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công C1; Vắng mặt người bị hại anh Nguyễn Văn M và vắng mặt người có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T2. Báo cho các bị cáo, anh C, ông C1 biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh M, anh T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. H;
- Công an Tp. H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp. H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý

